ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10 /2025/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 23 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, lắp đặt, vận hành và khai thác hệ thống camera giám sát an ninh trật tự tập trung trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ Quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 75/2020/TT-BCA ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Bộ Công an ban hành tiêu chuẩn cơ sở trong lĩnh vực an ninh đối với Hệ thống giám sát, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ - yếu tố kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin cho thiết bị camera giám sát;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 143/TTr-STTTT ngày 21 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, lắp đặt, vận hành và khai thác hệ thống camera giám sát an ninh trật tự tập trung trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 02 năm 2025 và bãi bỏ Quyết định số 2932/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Quy định về đầu tư, quản lý và phối hợp sử dụng, vận hành hệ thống công nghệ thông tin và camera giám sát phục vụ phát triển dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục KTrVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT: TU, HĐND, MTTTQ tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP, KSTT, TT CB-TH;
- Lưu: VT, VP.UBND tỉnh. (VT)

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Quản lý, lắp đặt, vận hành và khai thác hệ thống camera giám sát an ninh trật tự tập trung trên địa bàn tỉnh Tây Ninh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 10 /2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh).

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc quản lý, lắp đặt, vận hành và khai thác dữ liệu các hệ thống camera giám sát an ninh trật tự tập trung trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Quy chế này không áp dụng đối với:

a) Việc chia sẻ dữ liệu chứa thông tin của hệ thống thuộc phạm vi bí mật nhà nước, bí mật quân sự được quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.

b) Hệ thống camera giám sát nội bộ của người dân, các tổ chức, doanh nghiệp, trừ các trường hợp được quy định tại Điều 12 của Quy chế này.

c) Hệ thống camera theo các quy định đặc thù riêng đã được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có các hoạt động liên quan đến các hệ thống camera giám sát an ninh trật tự tập trung trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Camera giám sát là các mắt điện tử, có thể soi, nhìn thấy hình ảnh tại nơi cần theo dõi, quan sát.

2. Hệ thống camera giám sát bao gồm thiết bị camera giám sát tại hiện trường, hệ thống thiết bị phục vụ ghi hình, quản lý và lưu trữ dữ liệu, các ứng dụng, phần mềm sử dụng trong hệ thống, mạng truyền dẫn dữ liệu và các thành phần khác để vận hành, hoạt động hệ thống.

3. Hệ thống camera giám sát an ninh trật tự tập trung trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (sau đây gọi tắt là hệ thống camera giám sát tập trung) là hệ thống trang thiết bị phần cứng và phần mềm nhằm quản lý và hình thành cơ sở dữ liệu camera dùng chung phục vụ công tác giám sát an ninh trật tự, an toàn giao thông và quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; là đầu mối phân phối, chia sẻ dữ liệu camera theo phân cấp, phân quyền.

4. Đơn vị khai thác dữ liệu bao gồm tất cả các đơn vị được cấp quyền hoặc tài khoản truy cập trực tiếp thông qua bất kỳ giải pháp, phương pháp kỹ thuật đã được Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi tắt là UBND tỉnh) hoặc cơ quan được UBND tỉnh ủy quyền phê duyệt để truy cập vào hệ thống camera giám sát tập trung.

5. Đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát là đơn vị quản lý hoặc được giao quản lý hệ thống camera giám sát trên địa bàn tỉnh Tây Ninh được đầu tư từ ngân sách nhà nước.

6. Đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát tập trung là đơn vị có thẩm quyền được UBND tỉnh giao quyền quản lý.

7. Chia sẻ dữ liệu là việc đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát cung cấp, trích xuất dữ liệu hình ảnh camera cho đơn vị sử dụng dữ liệu và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bằng các giải pháp kỹ thuật phù hợp, thông qua các hệ thống thông tin.

8. Tích hợp hệ thống là việc kết nối, chuẩn hóa dữ liệu hình ảnh camera, các giao thức, công cụ điều khiển hệ thống camera được đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát cung cấp cho hệ thống camera giám sát tập trung thông qua các hệ thống thông tin bằng các giải pháp kỹ thuật phù hợp.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, vận hành và khai thác hệ thống camera giám sát tập trung

1. Dữ liệu hình thành trong hoạt động của hệ thống camera giám sát tập trung được đầu tư, quản lý, sử dụng và khai thác bởi cơ quan Nhà nước là tài sản của Nhà nước, được bảo vệ, chia sẻ và khai thác nhằm phục vụ công tác giám sát, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, trật tự đô thị và quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực của cơ quan Nhà nước, hướng tới phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp;

2. Dữ liệu từ hệ thống camera giám sát phải được kết nối, tích hợp, đồng bộ, thống nhất và đảm bảo chia sẻ cho các đơn vị có nhu cầu khai thác; dữ liệu này được quản lý trong hệ thống camera giám sát tập trung và có phương án sao lưu dự phòng phục vụ công tác quản lý nhà nước, công tác giám sát an toàn, an ninh.

3. Việc chia sẻ, sử dụng dữ liệu hệ thống camera giám sát tập trung phải đảm bảo tính kịp thời, chính xác, khách quan, minh bạch, đúng mục đích, đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị. Đồng thời phải bảo mật thông tin, dữ liệu và tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và các quy định tại Điều 28 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Quan điểm đầu tư hạ tầng

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có nhu cầu đầu tư hệ thống camera giám sát riêng lẻ phải đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu tập trung về hệ thống camera giám sát tập trung.

2. Đảm bảo đầu tư không trùng lắp, việc đầu tư mới cần phải đảm bảo tính kế thừa hiện trạng hiện có.

Điều 6. Lưu trữ dữ liệu và quản lý, truy cập hệ thống camera giám sát tập trung

1. Dữ liệu thu thập được từ các hệ thống camera giám sát tập trung có thể thực hiện kết nối và lưu trữ tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh hoặc lưu trữ tại hệ thống lưu trữ chuyên ngành, địa phương. Trong trường hợp lưu trữ tại hệ thống lưu trữ chuyên ngành, địa phương thì phải có phương án kết nối, chia sẻ dữ liệu về hệ thống camera giám sát tập trung để phục vụ quản lý, điều hành tập trung của tỉnh.

2. Đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát tập trung được quyền truy cập cao nhất, nhằm đảm bảo phục vụ công tác chỉ huy, điều hành của tỉnh trong mọi tình huống; được truy cập tất cả hình ảnh camera có trong hệ thống với đầy đủ các tính năng.

3. Hệ thống các trung tâm điều hành, chỉ huy chuyên ngành phục vụ cho công tác quản lý Nhà nước được phân quyền truy cập tương ứng vào hệ thống camera giám sát tập trung, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý cụ thể theo quy định của UBND tỉnh hoặc sau khi có ý kiến của UBND tỉnh. Người đứng đầu các đơn vị có trách nhiệm ban hành các quy định cụ thể về trách nhiệm và quyền hạn của các cá nhân thuộc quyền quản lý đối với việc quản lý tài khoản, truy cập và sử dụng dữ liệu được khai thác từ hệ thống camera giám sát tập trung, phù hợp với tình hình thực tế của từng đơn vị.

4. Hệ thống các trung tâm điều hành thông minh của các địa phương được

phân quyền truy cập, giám sát, xử lý hình ảnh đối với các camera trên địa bàn quản lý. Hệ thống các trung tâm điều hành thông minh của các địa phương có khả năng kết nối, chia sẻ thông tin và hình ảnh cho các trung tâm giám sát khác thông qua hệ thống camera giám sát tập trung.

5. Đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát tập trung chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thường xuyên cập nhật các đối tượng sử dụng mới và phân quyền truy cập của hệ thống phù hợp với tình hình thực tế, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các đối tượng này.

Điều 7. Quy định về cung cấp, cập nhật dữ liệu đối với hệ thống camera giám sát tập trung

1. Đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát có trách nhiệm tạo lập, duy trì, cập nhật dữ liệu liên quan đến hệ thống cho hệ thống camera giám sát tập trung trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi có sự thay đổi hoặc sau khi triển khai lắp đặt mới thiết bị camera; cung cấp các thông tin, tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ tích hợp, chia sẻ dữ liệu vào hệ thống camera giám sát tập trung.

2. Việc tích hợp, kết nối, chia sẻ, sử dụng, khai thác dữ liệu hình ảnh hệ thống camera giám sát tập trung được thực hiện thông qua các dịch vụ truy cập trực tuyến, di động, các giao diện lập trình ứng dụng, các công cụ phát triển phần mềm và các phương thức, giải pháp kỹ thuật khai thác dữ liệu khác.

3. Đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát có trách nhiệm phối hợp với đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát tập trung, Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan để kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu hình ảnh, quyền điều khiển hệ thống cho hệ thống camera giám sát tập trung.

Điều 8. Quy định về khai thác hệ thống camera giám sát tập trung

1. Các cơ quan Nhà nước được khai thác sử dụng thông tin thuộc hệ thống camera giám sát tập trung được quy định tại Điều 7 của Quy chế này, phục vụ cho mục tiêu quản lý và điều hành trong phạm vi chức năng của cơ quan mình, nâng cao hiệu suất nghiệp vụ chuyên ngành và phục vụ lãnh đạo cơ quan ra chính sách và quyết định qua thống kê, phân tích, đánh giá, dự báo. Việc khai thác dữ liệu dùng chung ngoài phạm vi quản lý phải được sự đồng ý bằng văn bản của UBND tỉnh.

2. Các cơ quan Nhà nước trên một số lĩnh vực (giao thông vận tải, y tế, giáo dục, tài nguyên và môi trường, khu công nghiệp, khu kinh tế, an ninh trật tự, quản lý đô thị) được cung cấp dữ liệu khai thác từ hệ thống camera giám sát tập trung và dữ liệu từ hệ thống camera giám sát do đơn vị trực tiếp quản lý để cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp.

3. Mọi vi phạm, hành vi lạm dụng, đánh cắp dữ liệu phải được báo cáo ngay

cho UBND tỉnh thông qua đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát tập trung và được xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

4. Việc quản lý khai thác, tích hợp, chia sẻ hệ thống camera giám sát tập trung hình ảnh giám sát phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin, an ninh mạng, dữ liệu cá nhân và các quy định có liên quan.

Điều 9. Quy định về đảm bảo an toàn thông tin cho hệ thống camera giám sát tập trung

1. Các đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát tập trung có trách nhiệm phân công nhân sự phụ trách quản trị hệ thống của đơn vị mình; quản lý, lưu trữ bảo mật và thường xuyên thay đổi mật khẩu tài khoản quản trị. Việc cấp, quản lý tài khoản truy cập vào các hệ thống camera giám sát tập trung thuộc quản lý của đơn vị phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và phân quyền của từng đối tượng sử dụng.

2. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị và các cá nhân được cấp tài khoản truy cập vào hệ thống camera giám sát tập trung có trách nhiệm quản lý tài khoản được cấp, thường xuyên thay đổi mật khẩu truy cập và áp dụng các biện pháp phù hợp để phòng, chống các hành vi truy cập, xâm nhập và khai thác trái phép vào hệ thống camera giám sát tập trung.

3. Việc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu từ hệ thống camera giám sát tập trung được thực hiện thông qua mạng viễn thông dùng riêng, mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh hoặc sử dụng các dịch vụ của mạng đô thị băng rộng do doanh nghiệp viễn thông cung cấp.

4. Các hoạt động thay đổi về dữ liệu, quá trình đăng nhập hệ thống phải được ghi nhận vào nhật ký của hệ thống camera giám sát tập trung.

Điều 10. Quy định về lắp đặt các hệ thống camera giám sát trên địa bàn tỉnh

1. Việc triển khai, vận hành hệ thống camera phải bảo đảm các yêu cầu về chất lượng, về công nghệ, quy trình cung cấp dịch vụ; tính liên tục, liên thông, kết nối, đồng bộ giữa các hệ thống camera giám sát và hệ thống camera giám sát tập trung để truy cập khi cần thiết. Các cơ quan, đơn vị khi trang bị camera giám sát phải phối hợp với Công an tỉnh rà soát, kiểm tra, đánh giá về an ninh, an toàn thiết bị trước khi đưa vào sử dụng.

Sử dụng camera giám sát đáp ứng yêu cầu về đảm bảo an toàn thông tin theo quy định; không sử dụng camera giám sát không có chứng nhận xuất xứ, chất lượng sản phẩm hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền cảnh báo không đảm bảo an toàn thông tin.

2. Khi triển khai các hệ thống camera giám sát, các đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát phải đảm bảo chia sẻ tín hiệu hình ảnh, tích hợp về hệ thống camera giám sát tập trung; phối hợp với đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát tập trung, Sở Thông tin và Truyền thông trong 15 ngày làm việc để triển khai các phương án kỹ thuật kết nối về hệ thống camera giám sát tập trung.

3. Việc lắp đặt các hệ thống camera giám sát nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác phải tuân thủ các quy định tại Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

4. Việc lắp đặt các thiết bị camera giám sát trên địa bàn tỉnh phải đảm bảo phù hợp về vị trí, tầm quan sát, tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn điện và không trùng lắp.

Điều 11. Quy định về lắp đặt thiết bị camera nơi công cộng

1. Việc lắp đặt các thiết bị camera giám sát nơi công cộng phải được thực hiện bởi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc đơn vị được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đầu tư, quản lý địa điểm đó; có sự đồng thuận bằng văn bản về vị trí và phương án kỹ thuật của Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan chức năng có liên quan hoặc đơn vị được các cơ quan này ủy quyền bằng văn bản; đồng thời, phải đảm bảo phù hợp với kế hoạch phát triển mạng lưới camera giám sát của tỉnh.

2. Ưu tiên sử dụng chung hạ tầng lắp đặt hệ thống camera giám sát như cột, trụ, tủ kỹ thuật tại cùng một vị trí hoặc có sự phối hợp triển khai thi công đồng bộ giữa các đơn vị nhằm đảm bảo mỹ quan đô thị.

3. Đối với hệ thống camera giám sát lắp đặt tại các bệnh viện, trường học, cơ sở văn hóa, thể thao, đơn vị quản lý hệ thống phải báo cáo phương án kỹ thuật và vị trí lắp đặt cho Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo phạm vi quản lý; đồng thời, chịu trách nhiệm phối hợp với đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát tập trung để kết nối dữ liệu hình ảnh vào hệ thống camera giám sát tập trung.

Điều 12. Quy định về bảo trì, bảo dưỡng hệ thống camera giám sát tập trung

1. Đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát tập trung có trách nhiệm thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động của hệ thống camera giám sát, định kỳ 06 tháng thực hiện bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, đặc biệt đối với các hệ thống camera giám sát được đầu tư bằng ngân sách Nhà nước.

2. Đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát tập trung có trách nhiệm khắc phục các hư hỏng phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, bình thường trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi phát hiện sự cố hoặc được các đơn vị liên quan thông báo về sự cố phát sinh.

3. Kinh phí thực hiện bảo trì, bảo dưỡng do đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát tập trung lập dự toán và đề xuất bằng nguồn ngân sách vận hành thường xuyên hàng năm của đơn vị.

4. Đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát tập trung, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức hướng dẫn chi tiết về quy trình bảo trì, bảo dưỡng hệ thống camera giám sát tập trung trên địa bàn tỉnh.

Điều 13. Quy định về đầu tư các hệ thống camera giám sát tập trung trên địa bàn tỉnh

1. Đảm bảo thực hiện đúng quy định theo Luật Đầu tư công năm 2019 và các quy định, hướng dẫn có liên quan; lấy ý kiến thẩm định chuyên ngành của cơ quan chuyên môn khi đầu tư theo quy định pháp luật, đảm bảo tính đồng bộ và tương thích giữa các hệ thống camera giám sát đang triển khai trên địa bàn tỉnh.

2. Đối với các hệ thống camera giám sát tập trung phục vụ công tác quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực của các sở, ban, ngành, giám sát an ninh trật tự tại các vị trí trọng điểm trên địa bàn tỉnh, ưu tiên đề xuất, bố trí và sử dụng ngân sách tỉnh để đầu tư thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

3. Đối với các hệ thống camera giám sát tập trung phục vụ quản lý Nhà nước tại UBND các huyện, thị xã, thành phố, ưu tiên đề xuất, bố trí và sử dụng ngân sách được phân bổ cho địa phương hoặc các nguồn kinh phí khác để đầu tư thực hiện phù hợp với nhu cầu của địa phương và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Đối với việc tích hợp các hệ thống camera giám sát được đầu tư nguồn vận động của người dân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn UBND các huyện, thị xã, thành phố, ưu tiên đề xuất, bố trí và sử dụng các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện, hạn chế sử dụng vốn ngân sách tập trung hoặc ngân sách được phân bổ cho địa phương để thực hiện việc tích hợp, quản lý tập trung đối với các hệ thống này.

Điều 14. Kinh phí bảo đảm cho việc lắp đặt, quản lý, vận hành và khai thác hệ thống camera giám sát tập trung

1. Ngân sách nhà nước đảm bảo cho việc đầu tư, vận hành, hoạt động của hệ thống camera giám sát, hệ thống camera giám sát tập trung theo phân cấp ngân sách hiện hành. UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động bố trí kinh phí để

thực hiện quản lý hệ thống camera giám sát, hệ thống camera giám sát tập trung phục vụ quản lý nhà nước trên địa bàn.

2. Ngoài kinh phí do ngân sách nhà nước đảm bảo, đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát tập trung và các đơn vị liên quan được sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện tạo lập dữ liệu, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu từ hệ thống camera giám sát tập trung theo quy định pháp luật.

Chương III

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC QUẢN LÝ, LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH, KHAI THÁC HỆ THỐNG CAMERA GIÁM SÁT TẬP TRUNG

Điều 15. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Quản lý hệ thống camera giám sát tập trung, cấp phát, quản lý các tài khoản sử dụng hệ thống camera giám sát tập trung theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh. Thường xuyên và định kỳ rà soát các tài khoản truy cập vào hệ thống để kịp thời xử lý đối với các tài khoản không còn thẩm quyền sử dụng.

2. Tham mưu UBND tỉnh ban hành, cập nhật và điều chỉnh Quy chế này và các quy định liên quan đến quản lý, tích hợp, triển khai hệ thống camera giám sát tập trung.

3. Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh kế hoạch nâng cấp, bổ sung tính năng cho hệ thống camera giám sát tập trung.

4. Chịu trách nhiệm vận hành kỹ thuật, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống camera giám sát tập trung vận hành ổn định, thông suốt.

5. Phối hợp với các ngành khai thác hiệu quả hệ thống camera giám sát tập trung.

6. Tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho các nhân sự của các đơn vị xử lý để vận hành hệ thống camera giám sát tập trung.

7. Chủ trì, tổ chức kiểm tra, theo dõi, giám sát việc tích hợp, cập nhật dữ liệu về hệ thống camera giám sát tập trung. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất, kiến nghị các hình thức khen thưởng, kỷ luật nhằm đảm bảo hiệu quả của việc triển khai, vận hành hệ thống camera giám sát tập trung.

Điều 16. Văn phòng UBND tỉnh

Phối hợp cùng Sở Thông tin và Truyền thông đồng quản lý hệ thống camera giám sát tập trung.

Điều 17. Sở Tài chính

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các cơ quan liên quan tham mưu bố trí kinh phí chi thường xuyên cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ quản lý, lắp đặt, vận hành và khai thác các hệ thống camera giám sát tập trung theo Quy chế này theo quy định Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 18. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi đầu tư phát triển cho các dự án đầu tư về hệ thống camera giám sát, hệ thống camera giám sát tập trung theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 19. Trách nhiệm của các đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát riêng lẻ

1. Phân công 01 cán bộ lãnh đạo của đơn vị, địa phương làm đầu mối để phối hợp thực hiện các công việc liên quan đến quản lý và chia sẻ dữ liệu các hệ thống camera giám sát thuộc phạm vi quản lý.

2. Bảo đảm việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu về hệ thống camera giám sát tập trung kịp thời, chính xác, đầy đủ và liên tục, theo đó các dữ liệu phát sinh mới phải được cập nhật về hệ thống theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và tần suất cập nhật theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

3. Khi triển khai đầu tư, lắp đặt, nâng cấp các hệ thống camera giám sát phải thực hiện theo đúng các tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật hiện hành; chủ động liên hệ, phối hợp với Công an tỉnh để rà soát, kiểm tra, đánh giá về an ninh, an toàn thiết bị theo quy định. Có quy chế quản lý, vận hành, trích xuất, chia sẻ dữ liệu camera (thiết lập hệ thống lưu nhật ký thể hiện rõ mục đích trích xuất, thời gian, người thực hiện, người yêu cầu…).

4. Thường xuyên cung cấp thông tin cho đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát tập trung về tình hình và tiến độ triển khai các hệ thống camera giám sát, đặc biệt là các hệ thống camera giám sát riêng lẻ; đồng thời, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, cung cấp các tài liệu kỹ thuật cần thiết để thực hiện tích hợp cơ sở dữ liệu chuyên ngành về hệ thống camera giám sát tập trung nhằm phục vụ cho công tác chia sẻ, khai thác.

5. Chịu trách nhiệm bảo trì, bảo dưỡng, thay thế thiết bị thuộc hệ thống camera giám sát trong trường hợp phát sinh hư hỏng; đảm bảo hạn chế gây gián đoạn việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu cho hệ thống camera giám sát tập trung.

Điều 20. Trách nhiệm của các đơn vị khai thác dữ liệu hệ thống camera giám sát tập trung

1. Phân công 01 cán bộ lãnh đạo đơn vị và 01 cán bộ được giao phụ trách công nghệ thông tin làm đầu mối để phối hợp thực hiện các công việc liên quan đến tiếp nhận, quản lý và khai thác dữ liệu hệ thống camera giám sát tập trung.

2. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân chỉ sử dụng dữ liệu được chia sẻ phục vụ cho công tác quản lý Nhà nước và trong quá trình thực thi công vụ hoặc chia sẻ, công bố cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp theo quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 của Quy chế này.

3. Đảm bảo an toàn bảo mật thông tin của dữ liệu trích xuất từ hệ thống camera giám sát tập trung, tuyệt đối không chia sẻ thông tin với đơn vị bên ngoài nếu không có chấp thuận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

4. Thông báo cho đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát tập trung trong trường hợp phát hiện các vấn đề ảnh hưởng đến kết nối, chia sẻ dữ liệu, dữ liệu không chính xác, không được cập nhật kịp thời.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm tổ chức triển khai và thực hiện Quy chế này tại đơn vị. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chủ trì, tham mưu cho UBND tỉnh trong tổ chức triển khai thực hiện và đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm Quy chế này.

Trong quá trình triển khai thực hiện quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị liên hệ với đơn vị quản lý để được hướng dẫn, phối hợp xử lý. Trường hợp vượt thẩm quyền, đơn vị quản lý tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.